TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **711/**2017/HNGĐ-ST,
Ngày: 27/9/2017,
Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nam Hải,

- *Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly,

2. Bà Vũ Thị Hiệp.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:* ông Nguyễn Huy Hùng, Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Dịu Thùy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 315/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2017, về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 361/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Trần Phương N, sinh năm: X; địa chỉ: G, Phường X, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị đơn*: ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm: Y, địa chỉ: C, Phường Z, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: G, Phường X, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu ly hôn và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Trần Phương N và bị đơn ông Nguyễn Tuấn K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn không có con chung.

Sau khi đăng ký kết hôn, nguyên đơn và bị đơn chung sống, quan hệ vợ chồng chỉ hạnh phúc trong thời gian ngắn rồi phát sinh mâu thuẫn và bất đồng ý kiến trên nhiều lĩnh vực. Nay nguyên đơn tự nhận thấy cuộc hôn nhân không đạt mục đích, xác định tình cảm

không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết: được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn K; không có con chung; không có tài sản chung; không có nợ chung.

* Đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn K Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt các loại văn bản tố tụng để ông K đến Tòa án làm việc, làm bản tự khai, tham gia hai phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, hai phiên tòa xét xử… nhưng ông K đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ vào ngày 20 tháng 6 năm 2017, ngày 20 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: việc xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện thủ tục tống đạt các loại văn bản tố tụng và xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung vụ án: qua kết quả phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, việc thu thập, thẩm tra, xem xét chứng cứ của Hội đồng xét xử là đầy đủ, rõ ràng; yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của bà Trần Phương N thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, bà Trần Phương N và ông Nguyễn Tuấn K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 275, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/12/2003; hiện nay bị đơn cư trú tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn trong vụ án này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khỏan 1 Điều 28; điểm a khỏan 1 Điều 35; điểm a khỏan 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Tuấn K, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng tham gia phiên tòa, nhưng đều vắng mặt không lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Phương N và ông Nguyễn Tuấn K có quan hệ hôn nhân hợp pháp, theo trình bày của nguyên đơn thì hôn nhân chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, nhưng sau đó hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt.

Hội đồng xét xử xét, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ - chồng giữa nguyên đơn và bị đơn, theo trình bày của nguyên đơn thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra, do hai bên bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên gây cãi nhau. Nguyên đơn trình bày, thời gian chung sống vợ chồng rất ngắn, hai bên không hòa hợp vì lối sống quá cách biệt, hai vợ chồng không có tiếng nói chung, đồng thời cũng do một phần cả hai bên không có con chung, nên thật sự hai bên không phát sinh tình cảm, ông K đã bỏ nhà đi khoảng ba tháng nay, hai bên hiện không còn cùng chung sống một nhà, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Tòa án đã thực hiện việc xác minh mâu thuẫn vợ, chồng giữa bà N, ông K ngày 28/7/2017 thông qua chính quyền địa phương, thể hiện ông K thường đi khỏi nhà từ sớm sáng, đến tối khuya mới về nhà. Kết quả xác minh này phù hợp lời khai của bà N là: hai vợ chồng cùng làm nghề dán keo xe tại nhà cha, mẹ ruột của bà N, số G, Phường X, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, khi hai bên phát sinh mâu thuẫn căng thẳng thì ông K thường bỏ nhà đi từ sáng sớm, đến tối khuya mới về nhà, khoảng cuối tháng 6/2017 thì ông K bỏ nhà đi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần tổ chức hòa giải quan hệ vợ - chồng giữa bà N và ông K, bà N đều có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, nhưng ông K đều vắng mặt không lý do, thể hiện ông K không có thiện chí đoàn tụ vợ - chồng.

Như vậy, trong quá trình chung sống vợ chồng, giữa bà N và ông K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N xác định hiện không còn tình cảm vợ - chồng với ông K; do vậy trường hợp của bà N và ông K được ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: căn cứ lời khai thống nhất của bà Trần Phương N, Thông báo thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình đã tống đạt hợp lệ cho ông Nguyễn Tuấn K, cùng với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được Tòa án thu thập, thể hiện, trong quá trình chung sống, giữa ông K và bà N không có con chung.

Về tài sản chung và về nợ chung: bà Trần Phương N tự khai không có, ông Nguyễn Tuấn K vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng: bà Trần Phương N phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà Trần Phương N đã tạm nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 189, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 233, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản II.1 Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Phương N.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Phương N được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn K.

2. Về quan hệ con chung: bà Trần Phương N và ông Nguyễn Tuấn K không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Trần Phương N tự khai không có, ông Nguyễn Tuấn K vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình, án phí cấp dưỡng sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), bà Trần Phương N phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà Trần Phương N đã tạm nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0027624, ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: bà Trần Phương N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Tuấn K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Giấy chứng nhận kết hôn số 275, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 24/12/2003, không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Ủy ban nhân dân Phường X, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (để biết);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

Lê Nam Hải